

Những Yếu Tố Phát Triển Kinh Tế Việt Nam

Thật là nhục nhã cho những ai tha thiết với quê hương khi nghe cựu thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu tuyên bố huyệch toạc trong một cuộc họp báo với những ký giả Singapore rằng Việt Nam phải cần ít nhất hai mươi năm nữa mới đạt tới được tình trạng phát triển của Malaysia hiện thời.

Sau hơn 30 năm Việt Nam độc lập, thống nhất và hòa bình, đất nước ta vẫn chưa đạt được sự phát triển mong muốn về các mặt kinh tế, xã hội, giáo dục, chính trị. Tại sao vậy? Tại sao Việt Nam đã thất bại trong công cuộc xây dựng một quốc gia hùng cường, mang lại vinh danh cho dân tộc, mang lại hạnh phúc cho dân chúng, và mang lại sự kiêu hãnh cho những người lãnh đạo đất nước? Lời nói trên của Lý Quang Diệu có quá đáng không? Có làm cho chúng ta phải suy nghĩ hay không?

Có một điều chắc chắn là những người có trách nhiệm lèo lái đất nước hiện nay cần phải càng sớm càng tốt thấu hiểu những yếu tố căn bản giúp một nước chậm tiến như Việt Nam nhanh chóng gạt hái được những kết quả xây dựng tốt đẹp. Bài viết này trình bày một số những yếu tố vừa nói nhằm đóng góp ý kiến xây dựng với những ai đang quan tâm đến sự phát triển của nước nhà.

Năm Yếu Tố Phát Triển Việt Nam đáng quan tâm là: hoàn cảnh chính trị, công việc đào tạo nhân sự, sản xuất đa diện, tinh thần làm ăn của dân, và hoàn cảnh kinh tế trong vùng.

Hoàn Cảnh Chính Trị:

Những yếu tố có tính chất chính trị là ổn định chính trị, lãnh đạo sáng suốt, và luật lệ tiến bộ.

Ổn định chính trị là yếu tố quan trọng thứ nhất đưa đến phát triển kinh tế thuận lợi. Có ổn định chính trị thì những nhà lãnh đạo mới có thể chú tâm vào công việc hoạch định những chương trình phát triển lâu dài và bền vững và nhân dân mới yên tâm tham gia sản xuất, làm ăn kinh doanh theo đúng những kế hoạch đặt ra bởi giới lãnh đạo.

Nhưng sau 1975, Việt Nam đã có điều kiện này chưa? Trong mười lăm năm đầu, nhà nước Cộng Sản đã chỉ lo củng cố vị trí của chế độ bằng những chiến dịch thất nhân tâm đưa người dân đến sự khủng hoảng tinh thần và sự thiếu thốn vật chất. Thủ đoạn dùng khủng bố, tuyên truyền, và võ lực đưa hàng trăm ngàn người đi vào những nhà tù cải tạo, hàng trăm ngàn gia đình đi đầy tại những vùng kinh tế mới, và hàng triệu người trốn đi ra nước ngoài không mang lại sự ổn định chính trị cần thiết cho sự phát triển. Mặc dù không có những biến cố gây rối loạn như thời kỳ chiến tranh trước 1975, nhưng Việt Nam không có ổn định chính trị, người dân không yên tâm sống, yên tâm làm ăn, yên tâm sản xuất. Chính phủ thời đó cũng không yên tâm lãnh đạo sự xây dựng lại đất nước và chỉ huy sự phát triển kinh tế. Bận tâm của những nhà lãnh đạo thời đó là củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản trên toàn nước – vì vậy mà chỉ mới một năm sau Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam bị giải tán - mở rộng sự cai trị của nhà nước, đặt thêm bốn mươi triệu người dân miền Nam dưới sự đô hộ cay nghiệt của một chế độ độc tài thiển cận. Thời kỳ này là thời kỳ xa sút kinh tế, thời kỳ đất nước Việt Nam kiệt quệ, không còn một phương tiện nào để sản xuất, thời kỳ vô vọng nhất trong lịch sử cận đại của nước nhà.

Đến những năm cuối của thập niên 80, những nhà lãnh đạo Cộng Sản đã bừng tỉnh và nhận thức được rằng chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa không mang lại cơm no áo ấm cho dân chúng chứ đừng nói gì đến phát triển cho đất nước. Chính sách quốc hữu hóa các phương tiện sản xuất và chỉ huy kinh tế đã không đưa đến đâu, đất nước đã nghèo lại càng nghèo thêm, đã chậm tiến lại càng chậm tiến hơn. Vì vậy mà Đảng Cộng Sản quyết định mở đầu cho một thời kỳ gọi là Đổi Mới, sẵn sàng giao du với các nước không Cộng Sản, tiếp nhận đầu tư của các nước phát triển Tây Phương, và quan trọng hơn cả là việc thiết lập thị trường tự do và khu vực làm ăn tư nhân.

Từ đầu thập niên 90 cho đến nay, tức là hơn 16 năm, Việt Nam đã có những yếu tố thuận lợi hơn để mở mang kinh tế phát triển nước nhà. Tuy nhiên, những cơ hội tốt đẹp vẫn chưa đến vì những lý do chính trị - xã hội - luật pháp làm cho việc xây dựng kinh tế tiến triển chậm chạp trong gần mười năm đầu. Chính thể Cộng Sản vẫn tồn tại, những nhà lãnh đạo vẫn chưa nhất trí về con đường cần đi theo để phát triển kinh tế, vẫn chưa tin ở chủ nghĩa tư bản, vẫn còn dấn đó chưa dứt khoát với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xã

hội thì phân tán, lòng người còn nghi hoặc chính sách Đổi Mới mà Đảng và Nhà Nước đề ra, giới trẻ thì không có hướng đi dứt khoát, không biết tương lai sẽ ra sao. Luật lệ thì không có, hay nếu có thì không phân minh, áp dụng tùy tiện, không công bình, giúp cho những ai có chút uy quyền dễ lạm dụng, tạo nên một chế độ thối nát, tham nhũng bành trướng, hủ lậu tràn ngập. Ví thế, những nhà đầu tư ngoại quốc cũng phải nản lòng, có lúc đã không muốn vào làm ăn ở Việt Nam, hoặc đã vào thì hàng loạt rút ra. Phải chờ cho đến những năm 2000 thì thành phần lãnh đạo cũ già nua thiếu hiểu biết mới bị thay thế. Những người mới đứng ra lèo lái đất nước nay trẻ trung hơn, họ có chút hiểu biết về cả cách xử trí với thế giới văn minh lẫn với người dân trong nước. Những suy tư của họ tương đối thuận lợi cho nhu cầu phát triển, họ tin tưởng hơn ở con đường kinh tế tự do họ đang đi theo, và họ được hướng dẫn dễ đi vào con đường toàn cầu hóa kinh tế thương mại. Nhưng ngoài yếu tố ổn định chính trị nay đã tạm có, ta cần xét đến yếu tố chính trị thứ hai là sự lãnh đạo sáng suốt của nhà nước.

Sự lãnh đạo sáng suốt: Thiếu sự lãnh đạo sáng suốt của người đứng đầu nhà nước thì không thể có được cách mạnh kinh tế tài chính, không thể vạch ra được con đường đúng đắn để quốc gia khởi công kỹ nghệ hoá nhằm thoát ra khỏi sự chậm tiến. Đường lối, chính sách, kế hoạch phát triển muốn hữu hiệu phải do một nhà lãnh đạo tài ba tha thiết với đất nước đề ra và kiểm soát hướng dẫn với sự trợ giúp của một số những nhà chuyên môn lỗi lạc làm chính sách, đặt vẽ kế hoạch, tổ chức kiểm tra, theo dõi sự thực thi chiến lược phát triển để sửa sai thay đổi kịp thời. Một ví dụ điển hình nhất là nhà lãnh đạo Nam Hàn trong thập niên 60, Tướng Park Chung Hy. Vì thấy đất nước kém cỏi dân chúng lầm than ông đã ước mơ đến một nước Đại Hàn hùng mạnh, kinh tế phát triển, có một vị trí sừng sỏ trên thế giới. Là một người yêu nước, ông đã lật đổ chính phủ dân sự hèn yếu bất lực để nắm quyền lãnh đạo đưa đất nước ông tiến lên và có được vị trí ngày nay. Tổng Thống Park Chung Hy đã sáng suốt khi hoạch định con đường kỹ nghệ hoá cho đất nước ông, ông đã sáng suốt khi biết sử dụng tài năng của những nhà chuyên môn có hiểu biết và kinh nghiệm xây dựng kinh tế, và hơn nữa ông đã kết hợp được những nhà kinh doanh làm ăn buôn bán lại để thi hành đúng con đường phát triển ông đề ra. Park Chung Hy nổi tiếng là một nhà độc tài, nhưng ông là một nhà độc tài sáng suốt và yêu nước. Không có ông thì không có tia lửa làm bộc phát sự phát triển kỹ nghệ lúc ban đầu đưa đến nền tảng kinh tế tiến bộ của Đại Hàn ngày nay. Điều đáng nói là Việt Nam ta trong suốt 70 năm qua chưa có một nhà lãnh đạo tài ba yêu nước nào tương đương. Hai yếu tố tài ba và yêu nước phải đi đôi, thiếu một trong hai sẽ không đến đâu. Ngày nay sự lãnh đạo Đảng Cộng Sản không thuận lợi cho sự xuất hiện của một vị lãnh đạo tài ba như Park Chung Hy. Khi mà một người không có toàn quyền lãnh đạo, khi mà người chịu trách nhiệm làm việc nhà nước còn phải tuân theo những chỉ thị của một số người khác – trong Đảng Cộng Sản - thì không thể có sự lãnh đạo xuất chúng cần thiết để làm một cuộc cách mạnh kỹ nghệ đưa đến một nền kinh tế phát triển hùng mạnh. Nói cách khác chế độ chính trị hiện nay không cho phép một sự bộc phát kinh tế tương tự như hiện tượng đã xảy ra tại Đại Hàn cách đây gần 50 năm.

Hệ thống Luật Lệ Tiến Bộ:

Giao thiệp và thương mại quốc tế dựa trên những tiêu chuẩn pháp lý ấn định bởi các nước trên toàn cầu, không thể tùy tiện muốn làm thế nào thì làm, muốn ra sao thì ra. Ngày nay những nước tiến bộ đều có một chế độ pháp trị minh bạch, công bình, dựa trên những nguyên tắc được Liên Hiệp Quốc công nhận. Tự do, dân chủ, bác ái đã luôn luôn là tiêu mốc của luật pháp các nước. Việt Nam cho đến những năm gần đây chưa có một hệ thống luật pháp tiến bộ, vững chắc, và đáng tin. Khi mà nhà nước ra luật để rồi khi cần lại bãi bỏ thay bằng luật khác nhằm phục vụ quyền lợi của nhà nước thì người dân không thể vững tin vào nhà nước để mà làm ăn. Đối với cộng đồng thế giới cũng vậy, các nước ngoài mang tiền vào đầu tư cũng đòi hỏi hai điều kiện là ổn định chính trị và luật lệ tiên bộ và minh bạch. Một trong những lợi điểm của Malaysia để thu hút đầu tư ngoại quốc là hệ thống luật lệ vững chắc và tân tiến của nước này.

Do đó, nhà nước Việt Nam cần thành thật áp dụng luật pháp một cách công minh nếu muốn lấy được lòng tin của thế giới và của người Việt Nam sinh sống ở hải ngoại. Chính vì vậy mà việc cải tiến hệ

thống luật lệ đã là một trong những đòi hỏi của các nước trên thế giới trước khi cho phép Việt Nam gia nhập tổ chức Thương Mại Quốc Tế mới đây.

Vấn đề Nhân Sự:

Cựu Thủ Tướng Lý Quang Diệu trong cuộc viếng thăm Việt Nam mới đây đã nhận xét rằng Việt Nam chưa sẵn sàng để có thể tiến tới một nền kinh tế sản xuất kỹ nghệ tiên bộ vì không có nhân lực chuyên môn đủ khả năng làm công việc sản xuất hiện đại. Vấn đề chuẩn bị nhân sự chuyên môn đòi hỏi thời gian lâu dài, ít ra là mười, mười lăm năm vì việc đào tạo bắt đầu từ tiểu học cho đến khi hết trung học hay đại học. Giáo dục đóng một vai trò tối quan trọng trong việc phát triển đầu tư con người và điều đáng lưu ý là không thể chờ cho đến khi có yếu tố phát triển thuận lợi rồi mới chuẩn bị đào tạo nhân sự. Trái lại vì giáo dục là nền tảng cho sự phát triển nên nó phải được thực hiện rất lâu từ trước. Nhiều nhà chuyên môn đã quan niệm là giáo dục, nhất là giáo dục tiểu học, rất quan trọng vì nó mang tính cách của một đầu tư hỗ tương với đầu tư vật thể. Lý do là vì giáo dục đào tạo những người lao động có kỹ năng nên năng suất và hiệu năng của họ được nâng cao, nhất là trong một nền sản xuất căn cứ trên những kỹ thuật ngày càng tân tiến. Giáo dục cũng đóng góp vào trong việc xây dựng sự quân bình lợi tức, giảm bớt chênh lệch giàu nghèo. Nó còn tác động vào thái độ làm việc của con người như tôn trọng lao động, hăng hái siêng năng làm việc, không gian dối, phục thiện, sẵn sàng tiếp nhận đổi mới. Hơn nữa, giáo dục là một phương tiện giới hạn sinh đẻ. Khi Tướng Park Chung Hy lên nắm quyền lãnh đạo Đại Hàn vào năm 1961, ông đã may mắn hưởng được cái gia tài to lớn của chế độ Syngman Rhee trước đó. Thủ tướng Syngman Rhee vào những năm 50 đã sáng suốt quyết định dùng tiền viện trợ của Hoa Kỳ để thiết lập một hệ thống trường trung tiểu học cấp tiến trên cả nước Triều Tiên. Kết quả là đến năm 1961, Nam Hàn đã có sẵn một lớp người trẻ đã được giáo dục rèn luyện tốt có thể làm nền tảng cho việc kỹ nghệ hoá đất nước.

Xét trường hợp Việt Nam, chính sách Đổi Mới bắt đầu từ 1986 cho đến nay đã hơn 20 năm, nếu chính quyền sáng suốt như Đại Hàn trong thập niên 50 cải tổ nền giáo dục và tích cực xây dựng một hệ thống trường học để có thể đáp ứng nhu cầu phát triển ngày nay thì đâu đến nỗi chúng ta phải thất vọng? Kế hoạch phát triển của nước ta ra sao mà lại bỏ sót yếu tố nhân sự quan trọng này?

Một điều khác đáng lưu ý là vào năm 1975 chính thể Cộng Sản đã không khôn ngoan lợi dụng lớp người chuyên môn của miền Nam. Vì bị bạc đãi nên hàng hàng lớp lớp những người có khả năng và kinh nghiệm chuyên môn đã bỏ nước ra đi. Và ngay bây giờ, chính sách nghi kỵ và kỳ thị đang ngăn cản người Việt hải ngoại có tâm huyết về phục vụ đất nước. Đây cũng là một sự mất mát to lớn vì nước nhà không lợi dụng được tài năng của những nhà kinh doanh đã thành công ở nước ngoài và giới chuyên môn trẻ đã được huấn luyện ở khắp các nước trên thế giới. Ngay cả những sinh viên từ Việt Nam đi du học, một phần không nhỏ cũng đã không trở về phục vụ đất nước vì không có lòng tin vào chế độ.

Sản xuất đa diện:

Phần lớn những nước kém phát triển lúc đầu dựa vào sản xuất nông nghiệp và chỉ có khả năng xuất cảng những nông phẩm mà thôi. Chẳng hạn như nước ta hiện thời cũng chỉ chủ yếu xuất cảng gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, gỗ và những đồ mộc. Bên cạnh là những sản phẩm chăn nuôi như thịt cá tôm, và những sản phẩm công nghệ nhẹ như hàng vải, giày dép và quần áo, những hàng hóa không mang tính cách thuần kỹ nghệ nên không mang về nhiều lợi nhuận.

Kinh nghiệm của Đại Hàn cho thấy để gia tăng nhanh chóng mức phát triển cần phải đa dạng hóa sản xuất, từ sản xuất nông nghiệp chuyển qua sản xuất kỹ nhẹ - sản phẩm điện tử, hàng hóa tiêu dùng -, rồi tiến đến sản xuất kỹ nghệ nặng - sắt thép, xe hơi, đóng tàu - và kỹ nghệ hóa học. Malaysia cũng chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kỹ nghệ nhẹ và kỹ nghệ dịch vụ. Ngày nay Malaysia đã trở thành nước xuất cảng thiết bị bán dẫn (semiconductor devices) thứ nhất trên thế giới.

Chỉ bằng cách xuất cảng những sản phẩm kỹ nghệ Việt Nam mới thu hoạch được ngoại tệ dồi dào nhằm tái đầu tư và trả những món nợ đã vay.

Tinh thần làm ăn của dân:

Để một quốc gia có thể tích cực phát triển kinh tế, nhất thiết phải trông cậy vào tinh thần kinh doanh của dân bản xứ. Nếu trong xã hội có nhiều người biết kinh doanh và sẵn sàng tham gia vào công việc sản xuất hàng hóa thì tất nhiên quốc gia dễ phát triển. Người Việt Nam tuy không giỏi kinh doanh bằng người Trung Hoa nhưng kinh nghiệm cho thấy họ cũng dễ thành công vì có khả năng tính toán và tinh thần học hỏi không thua kém gì những dân tộc khác. Ngày nay có những trường đào tạo những nhà chuyên môn để phục vụ ngành doanh thương. Những người lãnh đạo kinh tế cần đặt kế hoạch đào tạo và khuyến khích giới trẻ đi vào ngành quản lý kinh tế và kinh doanh để phục vụ đất nước.

Ngoài ra kinh nghiệm của những chuyên viên và doanh gia người Việt sinh sống và đã thành công tại nước ngoài cũng là một yếu tố quan trọng mà nhà nước phải nghĩ đến. Việc khuyến khích họ tham gia vào kế hoạch phát triển kinh tế đất nước có thể là một mối lợi khó lường trước được. Số tiền mang về đầu tư của họ cũng là một mối lợi không nhỏ cho đất nước phát triển kinh tế trong giai đoạn đầu. Chính sách cởi mở, xóa bỏ hận thù, hoà giải dân tộc thật sự của nhà nước cần phải được thiết lập để thu hút sự tham gia của những người đã từng phải bỏ nước ra đi vì những biến cố đau thương trong quá khứ.

Kinh tế trong vùng:

Việt Nam nằm trong vùng Nam Á, một vùng đang có hướng phát triển đi lên. Đây là một yếu tố khách quan có lợi cho nước mình. Trong suốt ba thập niên vừa qua, kinh tế tại vùng Nam Á đã tăng triển nhanh hơn nhưng vùng khác của thế giới, trung bình là 8% - trừ giai đoạn có biến cố tài chính vào năm 1997. Việt Nam sẽ có thể lợi dụng được vị trí địa dư chiến lược của mình để hợp tác với những cường quốc trong vùng như Nhật Bản, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore, Hồng Kông. Khối lượng thương nghiệp thật đáng kể giữa các nước trong vùng có thể giúp Việt Nam dễ dàng tăng gia sản xuất và xuất cảng. Tham gia vào sinh hoạt thương nghiệp giữa các quốc gia thuộc Hiệp Hội các Nước Đông Nam Á (ASEAN) và Hiệp Hội Các Nước vùng Thái Bình Dương và Á Châu (APEC) tất yếu là một mối lợi nếu biết tính toán đúng đắn và hợp lý. Về việc gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế mới đây, vấn đề đặt ra với Việt Nam là làm thế nào để lợi dụng được tối đa viện trợ và đầu tư của tất cả các nước trên thế giới, kể cả của Hoa Kỳ và Cộng Đồng Âu Châu, nhanh chóng trang bị nước mình với một hệ thống hạ tầng cấu trúc cần thiết – giao thông và giáo dục - nhằm phát triển kỹ nghệ càng sớm càng tốt, đồng thời đặt trọng tâm vào một nền sản xuất nhắm vào xuất cảng. Cải tiến hành chính và quản lý kinh doanh, diệt nạn tham nhũng, quan liêu, hủ lậu, xây dựng tinh thần làm ăn đứng đắn để gây dựng uy tín quốc gia là những mục tiêu cấp bách mà những người có trách nhiệm lãnh đạo quốc gia phải làm trong giai đoạn này.

Kết Luận: Những quyết định sau đây có thể giúp Việt Nam tiến nhanh đến kỹ nghệ hóa sản xuất và phục vụ chính sách phát triển kinh tế hướng về xuất cảng: 1. Thiết lập một Ủy Ban Kế Hoạch Kinh Tế gồm những chuyên viên kinh tế, tài chính, thương mại và giáo dục có khả năng chuyển hoá đất nước - giống như tại Đại Hàn vào năm 1961 – đưa ra những chính sách phát triển đúng đắn nhằm xây dựng một nền kinh tế tự túc độc lập không lệ thuộc vào viện trợ, tân tiến hóa nền kinh tế, củng cố những ngành kỹ nghệ chủ yếu, gia tăng công ăn việc làm, và cải tiến quản lý kinh doanh. 2. Nghiên cứu và áp dụng những phương thức thúc đẩy xuất cảng như giảm thuế lợi tức cho những nhà xuất cảng, miễn thuế nhập cảng nguyên liệu dùng để sản xuất hàng xuất cảng, miễn thuế thương nghiệp và cho phép khấu trừ vốn đầu tư nhanh chóng - những phương thức mà Đại Hàn đã đem ra áp dụng vào những năm 60 – 3. Để có thể thu thập được vốn đầu tư, ngoài việc thu hút đầu tư từ nước ngoài chính phủ cần khuyến khích dân chúng tiết kiệm bằng cách tăng mức lời ngân hàng và dùng tiền tiết kiệm của dân vào công việc xây dựng những cơ sở sản xuất kỹ nghệ nhất định. 4. Trong công cuộc phát triển kinh tế, ngoài hai nhiệm vụ là vận động vốn và phân phối vốn vào các chương trình đầu tư, nhà nước còn phải đóng vai trò chính trong việc tổ chức lại cơ cấu của các ngành kỹ nghệ như kỹ nghệ, khi thì kích thích khi thì loại trừ một số ngành. 5. Đề ra những biện pháp để kiểm soát xem những mục tiêu xuất cảng đã đề ra có đạt tới được hay không và nếu thành công thì cấp thêm vốn đầu tư, ngược lại thì cắt vốn đầu tư.

Hương Dương

Những ngày cận Tết Đinh Hợi

